TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2020
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông Nguyễn Ánh Dương
*** Các Hội thẩm nhân dân:**
1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Trần Anh Dũng

*** Thư ký phiên toà:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1988 (Có mặt)

Cư trú: Xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh T;

* Bị đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1990 (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Xóm Q, xã T, huyện P, tỉnh T;

Hiện cư trú: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn A trình bày:

Anh và chị Dương Thị T kết hôn ngày 29/11/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh T. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương.

Sau ngày cưới thì vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T xúc phạm bố mẹ anh dẫn đến vợ chồng hay cãi, chửi nhau. Chị T đã bỏ nhà đi từ tháng 5/2020, vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho anh ly hôn chị Dương Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 12/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Dương Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn A tự nguyện kết hôn ngày 29/11/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống với nhau tại gia đình anh A. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Đến ngày 05/5/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình. Chị đã về nhà mẹ đẻ cư trú từ tháng 5/2020 đến nay, trong suốt thời gian đó vợ chồng chị ly thân, không quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đồng ý ly hôn anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống, ruộng chị tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án này. Chị giữ nguyên ý kiến đồng ý ly hôn anh A, chị không giao nộp có chứng cứ gì khác cho Toà án và cũng không có yêu cầu, đề nghị gì.

* Tại biên bản xác minh ngày 27/11/2020 đối với ông Đỗ Xuân H - Trưởng xóm Q, xã T cho biết: Anh Nguyễn Văn A kết hôn với chị Dương Thị T năm 2018, sau khi kết hôn, chị T về làm dâu gia đình anh A ngay. Theo ông được biết, quá trình chung sống anh A và chị T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng kết hôn một thời gian mà không có con chung, đến đầu năm 2020 thì chị T xin về thăm mẹ đẻ sau đó không quay về nhà anh A nữa, anh A đã về tìm về động viên chị T quay về nhưng không được. Anh A và chị T không có con chung.

* Tại biên bản xác minh ngày 27/11/2020 đối với ông Nguyễn Tiến C và bà Nguyễn Thị V - là bố mẹ của anh Nguyễn Văn A cho biết: Anh Nguyễn Văn A kết hôn với chị Dương Thị T năm 2018. Quá trình chung sống, vợ chồng anh A xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong chuyện tình cảm, vợ chồng kết hôn đã hơn 01 năm mà chưa có con. Ngày 12/4/2020 âm lịch chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ cư trú, anh A có về tìm và động viên chị T quay về nhưng không được, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh A, chị T ly hôn. Vợ chồng anh A, chị T không có con chung.

* Tại biên bản xác minh ngày 28/12/2020 đối với bà Dương Thị B - là mẹ đẻ chị T cho biết: Chị Dương Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn A năm 2018. Quá trình chung sống thì vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, chị T đã về cư trú, sinh sống cùng bà từ tháng 5/2020 cho đến nay, hiện chị T vẫn đang cư trú cùng hộ với bà.

* Tại biên bản xác minh ngày 28/12/2020 Công an xã S, huyện T cho biết: Chị Dương Thị T không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S nhưng đang cư trú cùng mẹ đẻ tại thôn Hoàng Vân, xã Song Vân, huyện Tân Yên.

Toà án đã mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí nhưng chị Dương Thị T không có mặt để tham gia hòa giải.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chị T không có mặt và chấp hành chưa nghiêm túc pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A được ly hôn chị Dương Thị T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Dương Thị T không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Văn A và chị Dương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị Dương Thị T nhưng chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Nguyễn Văn A và chị Dương Thị T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân thời gian dài từ tháng 5/2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn A và chị Dương Thị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho anh Nguyễn Văn A được ly hôn chị Dương Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh Nguyễn Văn A và chị Dương Thị T không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Văn A và chị Dương Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 01 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A được ly hôn chị Dương Thị T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Dương Thị T không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Văn A và chị Dương Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về phí: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0000001 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, anh Nguyễn Văn A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Dương